TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠNH PHÚ
Tỉnh Bến Tre
Bản án số: **240**/2019/DS-ST
Ngày: 16-8-2019
V/v tranh chấp "*Hợp đồng vay + mua bán tài sản*"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Triết.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Mai Văn Thắng
2. Ông Trịnh Xuân Tùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Lộc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bến Tre.

Ngày 16 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 223/2019/TLST-DS ngày 31/5/2019 về tranh chấp *"Hợp đồng vay + mua bán tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1784/2019/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 7 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số: 76/2019/QĐST-DS ngày 06 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Đoàn Văn H, sinh năm 1973. Nơi cư trú: Số 107/4, ấp XT, xã TT, huyện P, tỉnh Bến Tre.(Có mặt)

2. Bị đơn: Nguyễn Văn C, sinh năm 1974. Nơi cư trú: Số 119/2, ấp XT, xã TT, huyện P, tỉnh Bến Tre. (Có mặt)

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Nguyễn Thị Diễm T, sinh năm 1979. Nơi cư trú: Số 119/2, ấp XT, xã TT, huyện P, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 26/4/2019, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn Đoàn Văn H trình bày:

Vào năm 2017 anh có bán vật tư cho vợ chồng anh Nguyễn Văn C và chị Nguyễn Thị Diễm T để xây nhà với số tiền 8.438.000đồng và vào ngày 11/12/2018 anh C, chị T có vay của anh số tiền 6.000.000đồng để trả nợ vay cho ngân hàng, đến ngày 26/12/2018 anh C, chị T có vay thêm của anh số tiền 3.000.000đồng, không có làm biên nhận nợ. Do anh C, chị T không trả nợ nên anh yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa anh C chỉ thừa nhận nợ của anh số tiền là 14.438.000đồng nên anh yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết buộc anh Nguyễn Văn C, chị Nguyễn Thị Diễm T liên đới trả cho anh số tiền 14.438.000 (Mười bốn triệu, bốn trăm ba mươi tám nghìn)

đồng, yêu cầu trả một lần, không yêu cầu tính lãi, còn khoản tiền vay ngày 26/12/2018 là 3.000.000 đồng anh C không thừa nhận có nợ của anh và do không có biên nhận nợ nên nay anh xin rút một phần yêu cầu khởi kiện của số tiền 3.000.000 đồng đối với anh C, chị T.

Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Văn C trình bày:

Anh thừa nhận hiện nay anh và chị T chỉ còn nợ của anh Đoàn Văn H số tiền 14.438.000 (Mười bốn triệu, bốn trăm ba mươi tám nghìn) đồng, không có nợ số tiền 3.000.000 đồng như anh H trình bày, nay anh và chị T đồng ý trả cho anh H số tiền 14.438.000 đồng nhưng do hiện nay hoàn cảnh kinh tế của anh, chị T khó khăn nên xin Tòa xem xét cho anh, chị T trả dần cho anh H mỗi năm 1.000.000 đồng, trả đến khi nào hết nợ .

Tại phiên tòa người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Diễm T vắng mặt nhưng theo bản tự khai; biên bản về kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cùng ngày 28/6/2019, trong quá trình tố tụng chị T trình bày:

Chị T thống nhất với lời trình bày của anh Nguyễn Văn C là chị, anh C hiện nay còn nợ của anh Đoàn Văn H số tiền 14.438.000 (Mười bốn triệu, bốn trăm ba mươi tám nghìn) đồng, không có nợ số tiền 3.000.000 đồng như anh H trình bày, nay chị và anh C đồng ý trả cho anh H số tiền 14.438.000 đồng nhưng do hiện nay hoàn cảnh kinh tế của chị, anh C khó khăn nên xin Tòa xem xét cho chị, anh C trả dần cho anh H mỗi năm 1.000.000 đồng, trả đến khi nào hết nợ .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn Đoàn Văn H tranh chấp hợp đồng vay + mua bán tài sản với bị đơn Nguyễn Văn C theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; theo điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P.

[2] Về tố tụng: Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Diễm T đã được Tòa án tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa để tham gia phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị T theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Hợp đồng vay, mua bán tài sản giữa nguyên đơn anh Đoàn Văn H với bị đơn anh Nguyễn Văn C được giao kết trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng, không bên nào bị lừa dối hoặc bị ép buộc; cả hai đều có đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự nên được xem là hợp đồng hợp pháp theo quy định tại các Điều 430, 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Qua tố tụng tại Tòa án anh Nguyễn Văn C, chị Nguyễn Thị Diễm T đã thừa nhận còn nợ của anh Đoàn Văn H số tiền 14.438.000 (Mười bốn triệu, bốn trăm ba

mươi tám nghìn) đồng nên theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự thì anh H không phải chứng minh.

Còn việc anh Nguyễn Văn C, chị Nguyễn Thị Diễm T cho rằng hiện nay kinh tế khó khăn xin được trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho anh H nhưng tại phiên tòa không được anh H đồng ý và ông C, chị T cũng không chứng minh được hiện nay hoàn cảnh kinh tế có khó khăn nên Tòa án không có cơ sở chấp nhận yêu cầu xin trả dần của ông C, chị T.

[5] Từ những phân tích trên yêu cầu khởi kiện của anh Đoàn Văn H là có căn cứ phù hợp với quy định tại các Điều 430, 463 Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận buộc anh Nguyễn Văn C, chị Nguyễn Thị Diễm T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho anh H số tiền 14.438.000 (Mười bốn triệu, bốn trăm ba mươi tám nghìn) đồng. Anh H không yêu cầu trả lãi nên không xem xét.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của anh H về việc yêu cầu anh C, chị T có trách nhiệm liên đới trả số tiền 3.000.000đồng (Ba triệu) đồng.

[6] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn Đoàn Văn H được Tòa án chấp nhận nên anh Nguyễn Văn C, chị Nguyễn Thị Diễm T phải có nghĩa vụ liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Số tiền án phí anh C, chị T phải liên đới nộp (14.438.000 đồng x 5%) là: 721.900 (Bảy trăm hai mươi mốt nghìn, chín trăm) đồng.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 244, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 430, 463 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đoàn Văn H. Buộc anh Nguyễn Văn C, chị Nguyễn Thị Diễm T phải có trách nhiệm liên đới trả cho anh Đoàn Văn H số tiền 14.438.000 (Mười bốn triệu, bốn trăm ba mươi tám nghìn) đồng.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của anh H về việc yêu cầu anh C, chị T có trách nhiệm liên đới trả số tiền 3.000.000(Ba triệu) đồng.

Kể từ ngày Bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng

bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Nguyễn Văn C, chị Nguyễn Thị Diễm T phải liên đới nộp: 721.900 (Bảy trăm hai mươi mốt nghìn, chín trăm) đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bến Tre.

Anh Đoàn Văn H được Chi cục thi hành án dân sự huyện P hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp 436.000 (Bốn trăm ba mươi sáu nghìn) đồng theo biên lai thu số 0003838 ngày 31/5/2019.

Đương sự có mặt được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự để yêu cầu Toà án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký và đóng dấu)

Hồ Thị Triết

Nơi nhận:
- VKSND huyện P;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ, Văn phòng).